

Phụ lục
MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ GIỐNG LÚA HƯƠNG CHIÊM
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TT-CLT ngày tháng năm 2023
của Cục trưởng Cục Trồng trọt)

Tên tổ chức đăng ký công nhận lưu hành đặc cách: Sở Nông nghiệp và PTNT Yên Bái

Địa chỉ: Số 1134, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Điện thoại: 02163.852.416. E-mail: vpsnongnghiepyb@gmail.com

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Tên giống cây trồng: Giống lúa Hương Chiêm

2. Thông tin về giống cây trồng

Đặc điểm chủ yếu của giống lúa Hương Chiêm theo bản mô tả của Sở Nông nghiệp và PTNT Yên Bái

TT	Tính trạng	Mức độ biểu hiện	Mã số	Phương pháp đánh giá
1	Lá gốc (lá dưới cùng)	Xanh	1	Quan sát
2	Lá: Mức độ xanh	Xanh nhạt	3	Quan sát
3	Lá: Sắc tố antoxian	Không có	1	Quan sát
4	Bẹ lá: sắc tố antoxian	Không có	1	Quan sát
5	Lá: Sắc tố antoxian của tai lá	Không có	1	Quan sát
6	Phiến lá: Chiều dài	Trung bình	5	Đo đếm
7	Phiến lá: Chiều rộng	Hẹp	3	Đo đếm
8	Lá đòng: Trạng thái phiến lá (QSS)	Nửa thẳng	3	Quan sát
9	Lá đòng: Trạng thái phiến lá (QSM)	Nửa thẳng	3	Quan sát
10	Khóm: Tập tính sinh trưởng	Đứng	1	Quan sát
11	Thời gian từ gieo đến trổ (khi 50% số cây có bông trổ)	Trung bình (vụ xuân 95-100 ngày, vụ mùa 75-80 ngày)	5	Quan sát
12	Vỏ trấu: Sắc tố antoxian của vỏ	Không có	1	Quan sát
13	Hoa: Màu sắc vòi nhụy	Trắng	1	Quan sát
14	Thân: Chiều dài (trừ bông)	Thấp (73,5cm)	3	Đo đếm
15	Bông: Chiều dài trục chính	Ngắn (23,8cm)	3	Đo đếm
16	Bông: Số bông/cây	Ít (5,6 bông/cây)	3	Đếm
17	Số hạt chắc/ bông	130-135 hạt/bông		Đếm

18	Bông: Râu	Có	9	Quan sát
19	Hạt: Màu của vỏ hạt	Nâu	3	Quan sát
20	Bông: Thoát cổ bông	Thoát hoàn toàn	9	Quan sát
21	Thời gian chín	Sớm	3	Quan sát
22	Vỏ trấu: Màu sắc	Nâu	3	Quan sát
23	Khối lượng 1.000 hạt	18,5-19,5 gam/1000 hạt)	3	Cân ở độ ẩm 13,5%
24	Chiều dài hạt thóc	Trung bình (7,8-8,2mm)	5	Đo đếm
25	Chiều rộng hạt thóc	Hẹp (2,0-2,2 mm)	3	Đo đếm
26	Chất lượng xay sát			
	<i>Tỷ lệ gạo lứt (%)</i>		76,81	Kết quả phân tích của Trung tâm KKN Giống và SPCT Quốc gia
	<i>Tỷ lệ gạo xát (%)</i>		68,22	
	<i>Tỷ lệ gạo nguyên (%)</i>		73,43	
	<i>Chiều dài hạt gạo xát (mm)</i>		5,63	
	<i>Tỷ lệ dài/rộng hạt gạo (%)</i>		2,58	
27	Chất lượng gạo			
	<i>Độ bền gel</i>		<i>Mềm</i>	Kết quả phân tích của Trung tâm KKN Giống và SPCT Quốc gia
	<i>Nhiệt hóa hồ</i>		<i>Trung bình</i>	
	<i>Tỷ lệ trắng trong (%)</i>		76,26	
	<i>Độ trắng bạc</i>		<i>Hơi bạc</i>	
	<i>Hàm lượng amylose (%CK)</i>		13,44	
28	Chất lượng cơm			
	<i>Màu sắc cơm (điểm)</i>		5,0	Kết quả phân tích của Trung tâm KKN Giống và SPCT Quốc gia
	<i>Mùi thơm (điểm)</i>		2,1	
	<i>Độ mềm (điểm)</i>		4,1	
	<i>Vị ngon (điểm)</i>		3,4	

Vật liệu nhân giống: Chất lượng hạt giống lúa phù hợp Qui chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

3. Giá trị sử dụng

☒ Làm lương thực, thực phẩm

4. Kỹ thuật gieo trồng

- Yêu cầu sinh thái: Hương Chiêm là giống cảm ôn, ngắn ngày. Thời gian sinh trưởng vụ xuân 125-130 ngày, vụ mùa 105-107 ngày, thích hợp bố trí trong cơ cấu xuân muộn -

mùa sớm - cây vụ đông tại các vùng sản xuất tập trung. Giống phù hợp với đất ruộng bậc thang thấp, đất ruộng trũng chủ động nước.

- Thời vụ: Căn cứ vào khung lịch chỉ đạo thời vụ của từng địa phương để bố trí thời vụ phù hợp: Vụ xuân gieo mạ cuối tháng 1, cấy sau tiết Lập Xuân (4/02) và kết thúc trong tháng 02. Vụ mùa gieo mạ tháng 6 và kết thúc cấy trước 5/7.

- Lượng giống, mật độ cấy: Lượng giống: 30-40 kg/ha thích hợp làm mạ dày xúc, mạ được, mạ khay. Tuổi mạ từ 20-25 ngày tùy theo thời vụ. Mật độ cấy: 35 – 40 khóm/m², cấy 2-3 dảnh/khóm, cấy nông tay.

- Phân bón: Phân hữu cơ 8-10 tấn/ha + 80-90N + 80-100 P₂O₅ + 80-90 K₂O

- Các đối tượng sâu bệnh hại chính cần lưu ý phòng trừ: Sâu đục thân; Rầy nâu; Bệnh khô vằn; Bệnh bạc lá. Phương pháp phòng trừ thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn địa phương.

5. Cảnh báo các tác hại: Không có.